CN 65-200/18.5

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khách Hàng	Ngày : 07-11-2026	Người Gửi
Liên Hệ	Dự Án	Liên Hệ
Email	ID Dự Án	Email

Dữ Liệu Yêu Cầu

1	Lưu Lượng	87	m³/h	24.17	lit/s	1450	lit/ phút	Nhiệt Độ Môi	54
2	Cột Áp	47.09	m	4.62	bar	0.46	Mpa	Nhiệt Độ Nước	50
3	Loại Bơm	Bơm Ly						Tỉ Trọng Nước	

Máy Bơm

4	Model Bơm	CN 65-200/18.5		Qmin	42
5	Kiểu Thiết Kế	Bơm Ly	Lưu Lượng (m³/h	Tại Điểm Q	87
6	Hãng Sản Xuất	MITSUKY - VN		Qmax	132
7	Họng Hút - mm	80		H - (Qmin)	51
8	Họng Xả - mm	65	Cột Áp (m)	Tại Điểm H	47.09
9	Số Tầng Cánh	198		H - (Qmax)	32
10	Độ Hút Sâu	4m	Đường Kính Cánh Bơm	mm	198
11	Áp Suất Tối Đa	25 Bar	Tốc độ bơm	rpm	
12	Khi Đóng Van	52	Công Suất	KW	

Vật Liệu

13	Cánh Bơm	Inox 304	Bạc Đạn	6308
14	Trục Bơm	INOX 201	Phốt Bơm	Cở Khí
15	Vở Bơm	Gang		

Động Cơ

16	Hãng Sản Xuất	WEIFANG	Loại Động Cơ	7.5 Kw - 10 Hp
17	Mã Động Cơ	ZH490ZP	Công Suất Định Mức	50KW
18	Tốc Độ Động Cơ	2900	Cực Điện	
19	Lớp Cách Nhiệt Bảo Vệ		Điện Thế	12V

Ghi Chú

CN 65-200/18.5

Bơm Ly

ĐƯỜNG HIỆU SUẤT

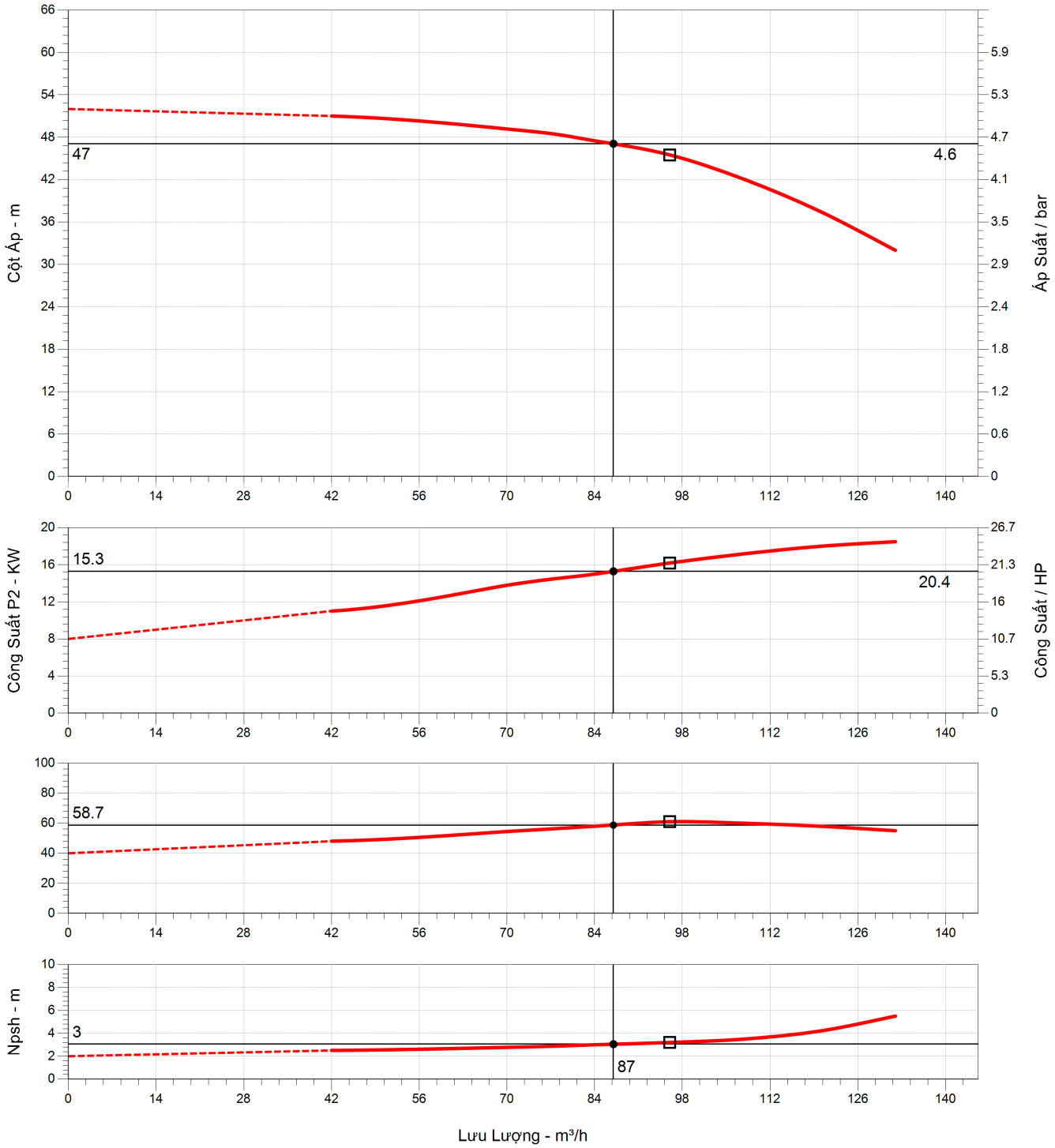
Khách Hàng	Ngày : 07-11-2026	Người Gửi
Liên Hệ	Dự Án	Liên Hệ
Email	ID Dự Án	Email

Dữ Liệu Yêu Cầu

1	Lưu Lượng	87	m³/h
2	Cột Áp	47.09	m
3	Độ Hút Sâu	4m	

Thông Số Của Bơm

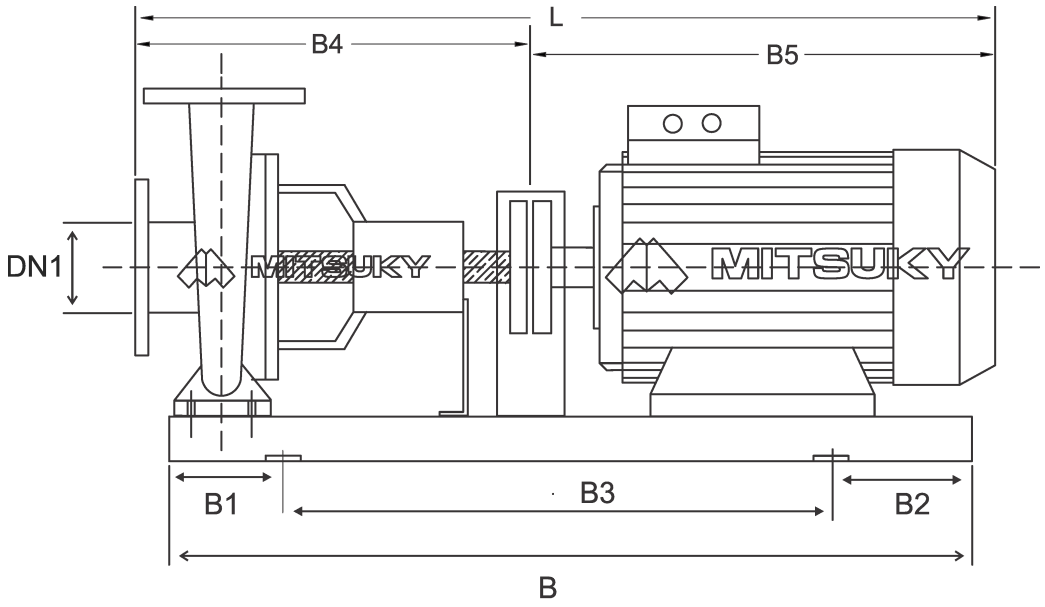
Lưu Lượng	87	Đường Kính Cánh	198
Cột Áp	47.09	Điện Thế - Tần Số	
Bơm Ly			2900

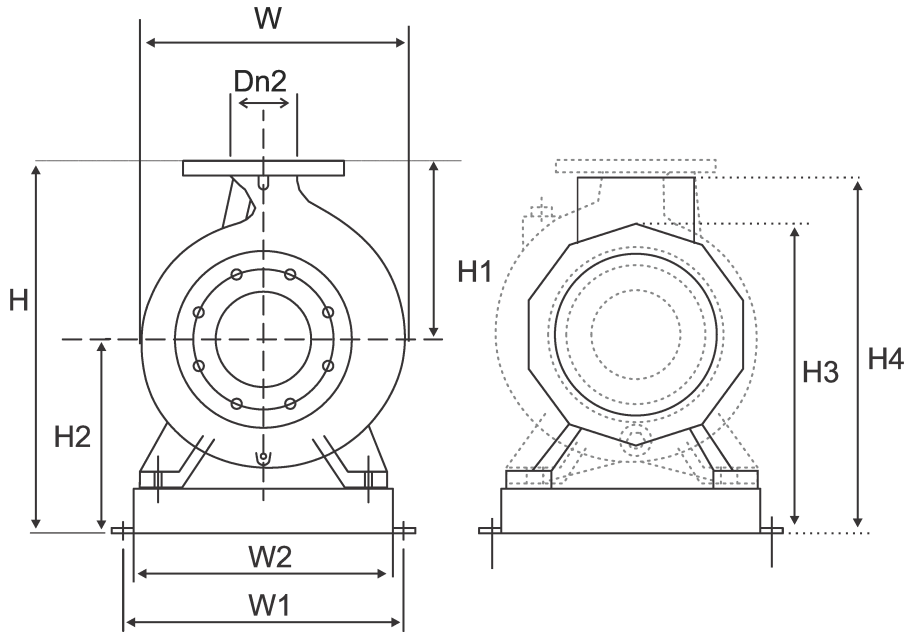


CN 65-200/18.5

Bơm Ly

Khách Hàng	Ngày : 07-11-2026	Người Gửi
Liên Hệ	Dự Án	Liên Hệ
Email	ID Dự Án	Email





Model Bơm	CN 65-200/18	H2	2922	B5	22
DN1	s2	H	222	B6	
DN2	s222	H3	242	B	
L	22	H4	224	Kg	
W	92	B1	2422	Kw	
W1	222	B2	2222	D	
W2	292	B3	92222		
H1	22	B4	92		ĐVT : mm